

Số: 560/2020/QĐST-HNGĐ

*Thủy Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 844/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* A Bùi Văn A, địa chỉ: Thôn 9, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng và chị Phạm Thị T, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: A Bùi Văn A và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 9 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Hai bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về con chung: A Bùi Văn A và chị Phạm Thị T có 01 con chung tên Bùi Thị Diệu Linh, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011. Hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn A Bùi Văn A sẽ trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Thị Diệu Linh, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận của A Bùi Văn A và chị Phạm Thị T là hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chung nên chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: A Bùi Văn A và chị Phạm Thị T thỏa thuận tự giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thỏa thuận của A Bùi Văn A và chị Phạm Thị T là hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chung nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: A Bùi Văn A và chị Phạm Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: A Bùi Văn A nhận nộp cả lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là tự nguyện nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 12 năm 2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: A Bùi Văn A và chị Phạm Thị T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: A Bùi Văn A trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Thị Diệu Linh, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: A Bùi Văn A và chị Phạm Thị T thỏa thuận tự giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: A Bùi Văn A và chị Phạm Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: A Bùi Văn A nhận nộp cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015516 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. A Bùi Văn A đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân h. T Nguyên;
- Chi cục THADS huyện T Nguyên;
- UBND xã Hợp Thành (Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2010 ngày 17/9/2010);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Hà**